TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THUẬN AN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 392/2021/HS-ST
Ngày: 03 – 12 – 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Ngô Quang Ngọc Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thiện;

2. Ông Lê Văn Công

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Nguyễn Hoàng Tấn - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 374/2021/HSST ngày 06 tháng 10 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 340/2021/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 10 năm 2021 đối với bị cáo:

Hoàng Thị H, sinh năm 1968 tại tỉnh Hải Dương; nơi cư trú: khu phố T, phường N, thành phố A, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Xuân K, sinh năm 1928 (đã chết) và bà Phạm Thị L, sinh năm 1929 (đã chết); bị cáo có chồng tên Lê Quang M, sinh năm 1965 và 02 người con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02/3/2021, bị bắt tạm giam từ ngày 05/11/2021 cho đến nay, có mặt.

Bị hại: Bà Lê Thị P, sinh năm 1961; nơi cư trú: khu phố B, phường N, thành phố A, tỉnh Bình Dương, có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Lê Quang M, sinh năm 1965; nơi cư trú: khu phố T, phường N, thành phố A, tỉnh Bình Dương có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 8/2019, bị cáo Hoàng Thị H nhận được tin nhắn từ một số thuê bao lạ (không rõ số cụ thể) với nội dung nhận làm bằng cấp, giấy tờ các loại. Do đang có nhu cầu thế chấp giấy tờ để vay tiền nên H đã chủ động liên lạc với số điện thoại trên để đặt làm giấy tờ giả. H cung cấp cho một đối tượng nam (không rõ lai lịch, tự giới thiệu là cán bộ địa chính) các bản photo gồm: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH446266 mang tên Lê Quang M, sinh năm 1965, CMND số 272647326 và Hoàng Thị H, sinh năm 1968, CMND số 272049980 cùng địa chỉ thường trú: khu phố S, phường B, thành phố H, tỉnh Đồng Nai đề ngày cấp 27/7/2017; 01 sổ hộ khẩu số 08083945 có họ và tên chủ hộ Lê Quang M, nơi thường trú: khu phố T, phường N, thành phố A, tỉnh Bình Dương với mục đích đặt đối tượng trên làm giả 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; 01 sổ hộ khẩu có thông tin như những tài liệu mà H cung cấp và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 61B1-497.98 mang tên Hứa Ngọc A với giá 16.500.000 đồng (trong đó giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giá 7.000.000 đồng/giấy; sổ hộ khẩu giá 2.000.000 đồng; Giấy chứng nhận đăng ký xe là 500.000 đồng). Đến khoảng tháng 09/2019 đối tượng nói trên mang các giấy tờ làm giả đến nhà của H tại địa chỉ: khu phố T, phường N, thành phố A, tỉnh Bình Dương để giao như đã thỏa thuận và nhận tiền.

Sau khi nhận được các giấy tờ giả trên H sử dụng 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả thế chấp cho bà Lê Thị P để vay số tiền 50.000.000 đồng và có làm hợp đồng vay tài sản đề ngày 26/12/2019 nhưng không công chứng. Đến khoảng tháng 01/2020, H tiếp tục sử dụng 01 giấy phép lái xe số 75109800034 là thật mang tên Hoàng Thị H; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 61B1-497.98 mang tên Hứa Ngọc A và 01 Sổ hộ khẩu số 08083945 có họ và tên chủ hộ Lê Quang M là giả đến thế chấp cho bà P để vay tiếp số tiền 50.000.000 đồng thì được bà P đồng ý cho vay nhưng hai bên chỉ thỏa thuận bằng miệng không làm hợp đồng. Đến khoảng tháng 9/2020 bà P không còn liên lạc được với H và kiểm tra lại số giấy tờ mà H thế chấp nghi vấn là giả nên bà P đã đến Cơ quan Công an trình báo sự việc và giao nộp các tài liệu gồm: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH446266 mang tên Lê Quang M và Hoàng Thị H; 01 Sổ hộ khẩu số 08083945 có họ và tên chủ hộ Lê Quang M; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 61B1-497.98 mang tên Hứa Ngọc A; 01 Giấy phép lái xe B2 mang tên Hoàng Thị H và 01 hợp đồng vay tài sản lập ngày 26/12/2019.

Ngoài ra, bị cáo H còn khai nhận sử dụng 01 Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất giả để thế chấp vay số tiền 120.000.000 đồng của một người phụ nữ tên Hồ Thị N, sinh sống tại Quận 12, thành phố Hồ Chí Minh, Công an thành phố Thuận An đã thông báo đến Công an Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết theo thẩm quyền.

Vật chứng thu giữ: 01 giấy phép lái xe (PET) số 75109800034 mang tên Hoàng Thị H (ký hiệu A1); 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 61B1-497.98 mang tên Hứa Ngọc A (ký hiệu A2); 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH446266 (ký hiệu A3); 01 Sổ hộ khẩu số 8083945 có họ và tên chủ hộ Lê Quang M (ký hiệu là A4).

Bản kết luận giám định số 503/GĐ-PC09 ngày 25/11/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận: 01 giấy phép lái xe (PET) số 75109800034 mang tên Hoàng Thị H (ký hiệu A1) là giấy *thật*; Đối với 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 61B1-497.98 mang tên Hứa Ngọc A (ký hiệu A2); 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH446266 (ký hiệu A3); 01 Sổ hộ khẩu số 8083945 có họ và tên chủ hộ Lê Quang M (ký hiệu là A4) đều là *giả* bằng phương pháp *in phun màu điện tử*.

Cáo trạng số: 339/CT-VKS-TA ngày 10/9/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Hoàng Thị H về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 và điểm c, d khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng c khoản 2 Điều 174 và điểm c, d khoản 2 Điều 341; điểm b khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Thị H mức hình phạt từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" và từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

+ Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Đối với 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 61B1-497.98 mang tên Hứa Ngọc A (ký hiệu A2); 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH446266 (ký hiệu A3); 01 Sổ hộ khẩu số 8083945 có họ và tên chủ hộ Lê Quang M (ký hiệu là A4) là tài liệu giả, đề nghị tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án; đối với 01 giấy phép lái xe (PET) số 75109800034 mang tên Hoàng Thị H (ký hiệu A1) là giấy thật, thuộc sở hữu của bị cáo H nên trả lại cho bị cáo.

- Bị cáo Hoàng Thị H thừa nhận các hành vi mình đã thực hiện, bị cáo thống nhất về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức". Tuy nhiên, bị cáo cho rằng mình không phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" mà chỉ sử dụng tài liệu giả để đi vay tiền và có trả lãi hàng tháng, bị cáo không không thống nhất với bản Cáo trạng và Bản kết luận điều tra về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Lời nói sau cùng của bị cáo xin được hưởng chính sách khoan hồng của Nhà nước, xin giảm nhẹ hình phạt và đề nghị xem xét về tội danh "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

- Bị hại bà Lê Thị P thống nhất với lời khai trong quá trình điều tra, không có yêu cầu gì khác về trách nhiệm dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo theo đúng quy định pháp luật.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Lê Quang M thống nhất với lời khai trong quá trình điều tra, không có ý kiến gì đối với số tiền 100.000.000 đồng đã bồi thường cho bị hại. Ông Minh cho rằng bị cáo H không phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" nên đề nghị Hội đồng xét xử làm rõ, xem xét lại đối với tội danh này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của những người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Căn cứ lời khai của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án cũng như các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án như kết luận giám định, vật chứng thu giữ, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

[2.1] Vào khoảng tháng 8/2019, bị cáo Hoàng Thị H có hành vi cung cấp thông tin của mình để thuê người khác làm giả 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; 01 sổ hộ khẩu mang thông tin của gia đình bị cáo H và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 61B1-497.98 mang tên Hứa Ngọc A với giá 16.500.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" theo quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự của Bộ luật Hình sự.

[2.2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi mình đã thực hiện và thống nhất về tội danh "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" như Viện kiểm sát truy tố. Tuy nhiên, bị cáo không thừa nhận hành vi làm giả tài liệu đối với 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 61B1-497.98 mang tên Hứa Ngọc A, bị cáo cho rằng do một người tên Hứa Ngọc A đưa cho bị cáo để nhờ vay tiền dùm, Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra làm rõ nhân thân, lai lịch nhưng không có ai tên Hứa Ngọc A, sinh năm 1999 như thông tin bị cáo đã cung cấp, do đó việc thay đổi lời khai của bị cáo là không có cơ sở.

[2.3] Sau khi nhận được các tài liệu giả, ngày 26/12/2019 bị cáo H đã sử dụng 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả thế chấp cho bà Lê Thị P để vay số tiền 50.000.000 đồng. Đến khoảng tháng 01/2020, H tiếp tục sử dụng 01 giấy phép lái xe số 75109800034 là thật mang tên Hoàng Thị H; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 61B1-497.98 mang tên Hứa Ngọc A và 01 Sổ hộ khẩu

số 08083945 có họ và tên chủ hộ Lê Quang M là giả thế chấp cho bà P để vay tiếp số tiền 50.000.000 đồng, tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt của bà Lê Thị P là 100.000.000 đồng.

[2.4] Đối với hành vi sử dụng tài liệu giả để vay tiền của người khác: Bị cáo biết rõ các giấy tờ, tài liệu là giả nhưng vẫn mang đi thế chấp cho người khác nhiều lần để vay số tiền lớn, mặc dù bị cáo có trả lãi nhưng sau đó bị mất liên lạc và bỏ đi khỏi địa phương mà không thông báo với bị hại. Ngoài việc sử dụng tài liệu giả để vay tiền bà Lê Thị P, bị cáo còn khai nhận đã thực hiện hành vi tương tự đối với bà Hồ Thị N để vay số tiền 120.000.000 đồng, sự việc này đã được Công an thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương thông báo đến Công an Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết theo thẩm quyền.

[2.5] Từ các nhận định và phân tích trên cho thấy bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người khác từ trước, để thực hiện ý định của mình bị cáo đã chủ động đặt làm giả nhiều giấy tờ, tài liệu, sau đó nhiều lần sử dụng các tài liệu giả để thế chấp, đây là hành vi gian dối nhằm tạo sự tin tưởng để bị hại cho vay tiền. Như vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2.6] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, xâm phạm trật tự quản lý hành chính của Nhà nước, làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của cơ quan tổ chức, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Tại phiên tòa bị cáo thể hiện thái độ khai báo quanh co không thành khẩn, do đó cần có mức án nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục cũng như phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên đối với tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" là tình tiết tăng nặng theo điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại là tình tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Mức hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị xử phạt bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại, bị hại không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

- Đối với 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 61B1-497.98 mang tên Hứa Ngọc A (ký hiệu A2); 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH446266 (ký hiệu A3); 01 sổ hộ khẩu số 8083945 có họ và tên chủ hộ Lê Quang M (ký hiệu là A4) là tài liệu giả, cần tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án;

- Đối với 01 giấy phép lái xe (PET) số 75109800034 mang tên Hoàng Thị H (ký hiệu A1) là giấy thật, thuộc quyền sở hữu của bị cáo H nên trả lại cho bị cáo tại phiên tòa.

[9] Đối với hành vi bị cáo H sử dụng 01 Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất giả để thế chấp vay số tiền 120.000.000 đồng của một người phụ nữ tên Hồ Thị N, sinh sống tại Quận 12, thành phố Hồ Chí Minh, Công an thành phố Thuận An đã thông báo đến Công an Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết theo thẩm quyền.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm c khoản 2 Điều 174; điểm c, d khoản 2 Điều 341; điểm b khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 55 của Bộ luật Hình sự;

- Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 – 12 – 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Hoàng Thị H phạm tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" và "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo Hoàng Thị H 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" và 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 06 (sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 05/11/2021.

2. Về án phí:

Bị cáo Hoàng Thị H phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP.Thuận An;
- Chi cục THADS TP.Thuận An;
- Công an TP.Thuận An;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: HS, THAHS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Quang Ngọc Nhân